

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 28-01-2021

V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Chuộng và bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 312/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Bùi Thị Khánh L, sinh năm 1997

ĐKKHKT: Thôn N, xã M, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Xã Q, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, thị xã KM, tỉnh Hải Dương

(Chị L có mặt, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-7-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Bùi Thị Khánh L trình bày: Chị và anh Đỗ Văn M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 2015, sau đó có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa vào ngày 21-6-2019. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau không còn hạnh phúc. Trong khi vợ chồng xảy ra cãi nhau anh M còn chửi bới, xúc phạm đánh đập chị. Bản thân anh M lại không tu chí làm ăn chơi bởi thiếu sự quan tâm đến gia đình và vợ con. Đến khoảng giữa năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn. Vào tháng 7-2020 vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh M đã đánh đập chửi bới đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Đến đầu tháng 8-2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ khi chị về nhà bố mẹ ở anh M chưa lần nào đến tìm gặp nói chuyện để hòa giải mà chỉ gọi điện bảo chị về nhưng chị không đồng ý. Anh chị thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải động viên nhưng anh chị không hòa giải được. Do vậy anh chị đã sống ly thân từ cuối tháng 7 năm 2020 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh M.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Đỗ Ngọc Bảo Ngân, sinh ngày 22-4-2016, Đỗ Ngọc Bích T, sinh ngày 22-01-2018; Đỗ Đức Tài, sinh ngày 23-7-2019. Kể từ khi vợ chồng ly thân 3 cháu đều ở cùng với chị. Đến tháng 12-2020 cháu N đã về ở với bố. Hiện nay chỉ còn cháu T và cháu T2 đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng anh chị ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu T và T2. Chị đồng ý giao cháu N cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm nghề lao động tự do thu nhập hàng tháng ổn định là 9.000.000 đồng. Chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở cũng như chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn M trình bày: Anh và chị Bùi Thị Khánh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 2015. Sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa vào ngày 21-6-2019. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Kể từ khi chị L về nhà bố mẹ đẻ ở anh đã nhiều lần đến tìm gặp chị để hai bên đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng chị L không nghe. Gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên giải nhưng không được. Do vậy anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi kể từ đó đến nay. Anh biết việc chị L đang yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhưng anh mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên thời gian vừa qua anh và chị L không tìm được tiếng

nói chung để hòa giải. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được, chị L xin ly hôn anh đồng ý để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có 03 con chung như chị L khai là đúng. Hiện nay cháu N đang ở cùng với anh, còn cháu T2 và cháu T đang ở cùng với mẹ. Nay vợ chồng anh ly hôn anh đồng ý giao cháu T2 và T cho chị L nuôi dưỡng. Anh tiếp tục nuôi cháu N và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L nuôi hai con hàng tháng anh sẽ có trách nhiệm với các cháu. Việc anh cho các con như thế nào là tự nguyện của anh ấy, không cần phải ghi trong quyết định của Tòa án. Hiện nay anh làm lao động tự do thu nhập hàng tháng ổn định từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án không phải tiến hành hòa giải vì anh xác định anh và chị L không thể đoàn tụ được. Anh đề nghị Tòa án xem xét xét xử vụ án vắng mặt anh trên cơ sở ý kiến anh đã trình bày.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị Khánh L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Khánh L được ly hôn anh Đỗ Văn M.

Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ngọc Bảo N, sinh ngày 22-4-2016 cho anh Đỗ Văn M được tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung là Đỗ Ngọc Bích

T, sinh ngày 22-01-2018 và Đỗ Đức T2, sinh ngày 23-7-2019 cho chị Bùi Thị Khánh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ tháng 01-2021 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh M và chị L đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị Khánh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Đỗ Văn M đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh M.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Khánh L và anh Đỗ Văn M được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Anh M đã nhiều lần khuyên giải chị L vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Mặt khác anh M cũng nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, không có hạnh phúc. Anh đồng ý ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị được ly hôn anh M là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Đỗ Ngọc Bảo Ngân, sinh ngày 22-4-2016, Đỗ Ngọc Bích T, sinh ngày 22-01-2018; Đỗ Đức T2, sinh ngày 23-7-2019. Hiện nay cháu N đang ở cùng với anh M, cháu T và T2 đang ở cùng với chị L. Anh M và chị L cùng có nguyện vọng tiếp tục giao cháu N cho anh M nuôi dưỡng, giao cháu T và T2 cho chị L được nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các bên về giao nuôi con là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên tiếp tục giao cháu Đỗ Ngọc Bảo N, sinh ngày 22-4-2016 cho anh M nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Ngọc Bích T, sinh ngày 22-01-2018 và Đỗ Đức T2, sinh

ngày 23-7-2019 cho chị L nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con cho các bên kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị L và anh M đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh M cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Bùi Thị Khánh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Khánh L được ly hôn anh Đỗ Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Ngọc Bảo N, sinh ngày 22-4-2016 cho anh M nuôi dưỡng; giao con chung là Đỗ Ngọc Bích T, sinh ngày 22-01-2018 và Đỗ Đức T2, sinh ngày 23-7-2019 cho chị L nuôi dưỡng.

Thời gian giao nuôi con cho các bên kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh M và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh M và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Khánh L phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004019 ngày 15-10-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt